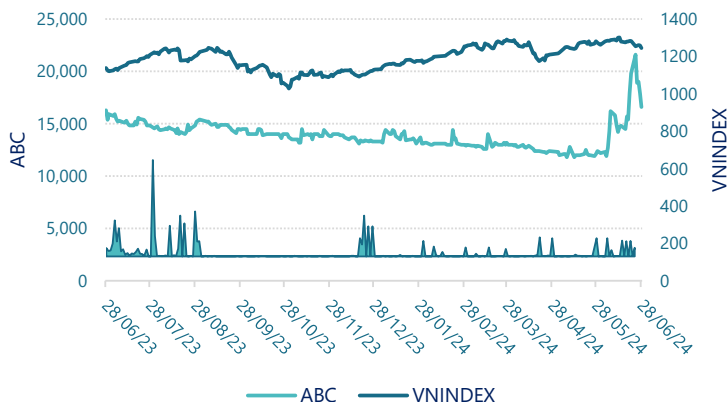




CTCP Truyền thông VMG (UPCOM: ABC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	16,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,800
SL cổ phiếu LH	20,389,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	266,540
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	338
P/E	16.7
EPS	994

DT thuần

Q2/24

143

tỷ VNĐ

QoQ: ▼77.0| -35.0%

YoY: ▼87.0| -37.9%

LN sau thuế

Q2/24

0.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.35| 117%

YoY: ▲ 1.94| 151%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

0.9%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

6T 2024

363

tỷ VNĐ

YoY: ▼119| -24.6%

LN sau thuế

6T 2024

0.95

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.78| -44.9%

ROE

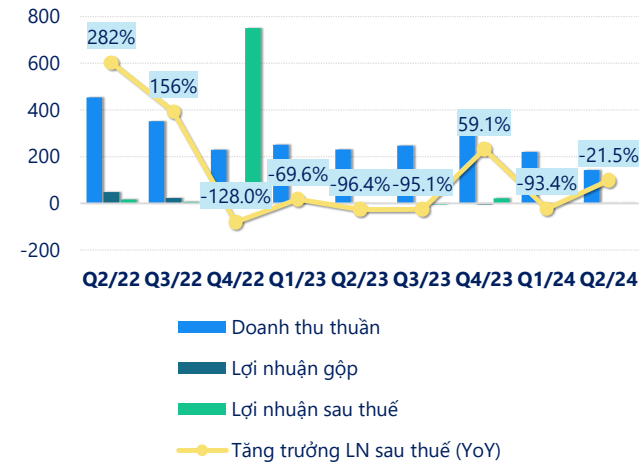
Q2/24

4.0%

+/- YoY: ▼ 486%

tỷ VNĐ

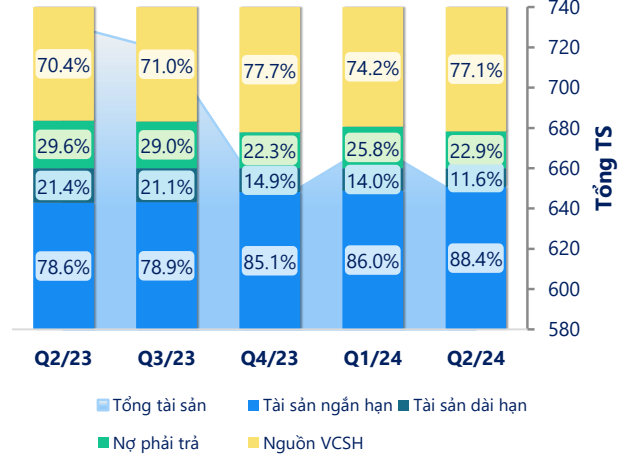
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

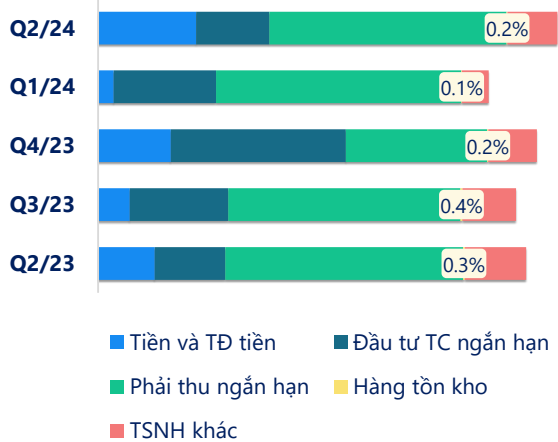
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



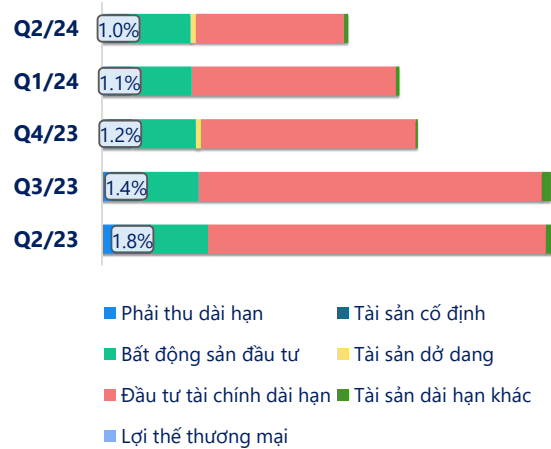
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

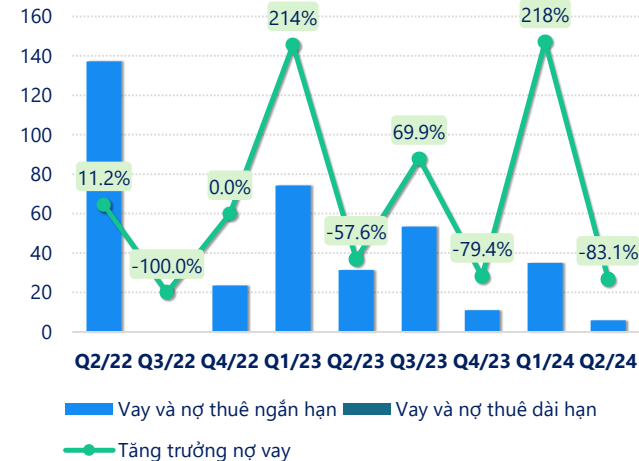
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

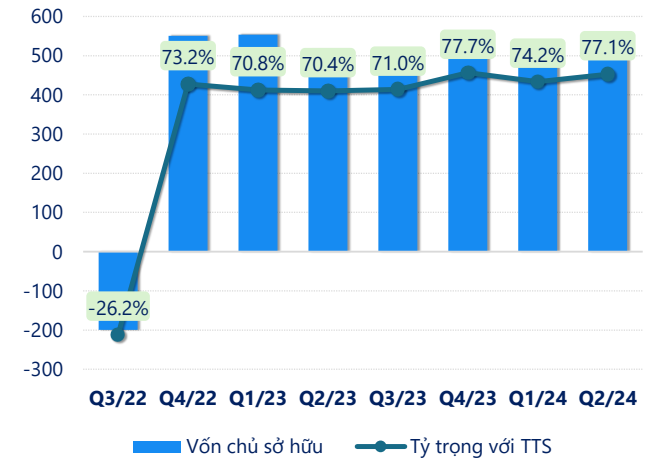
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

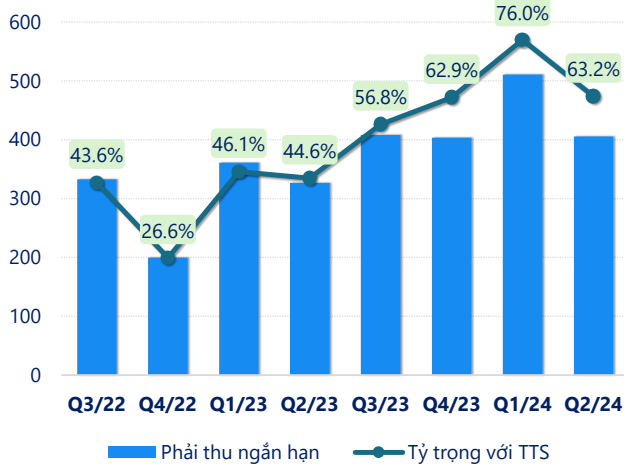
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



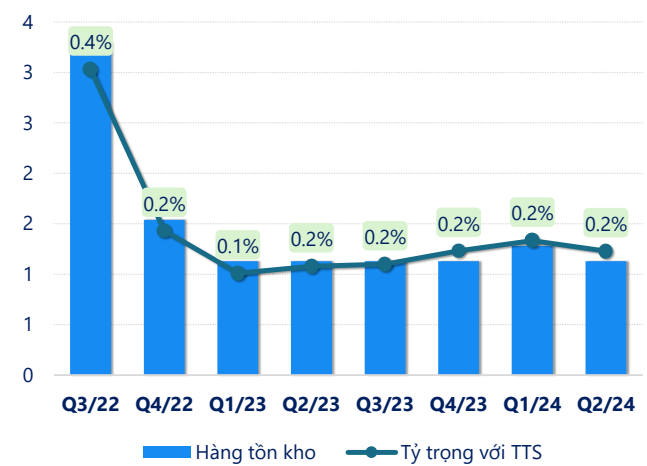
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


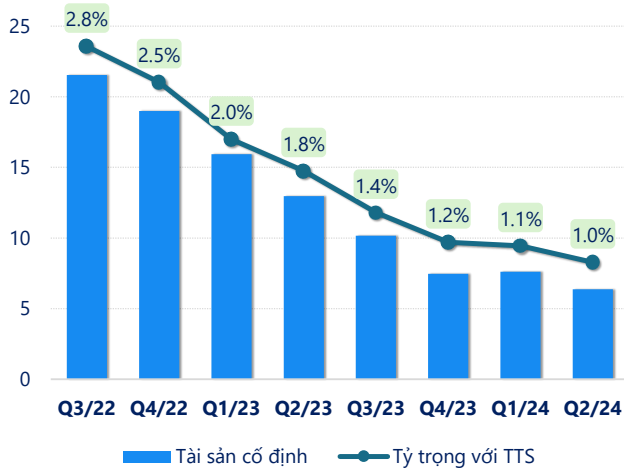
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


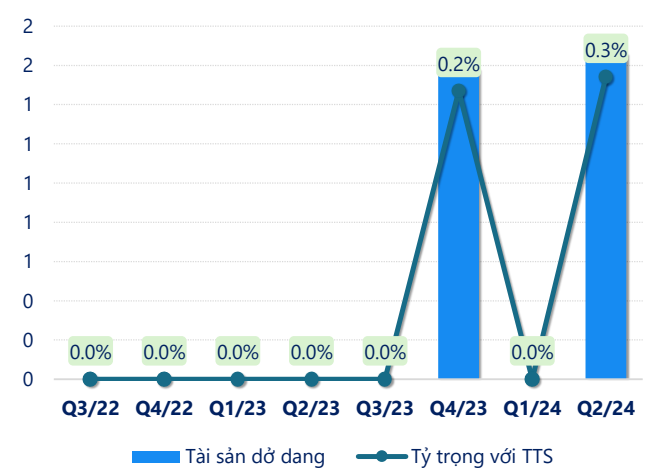
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

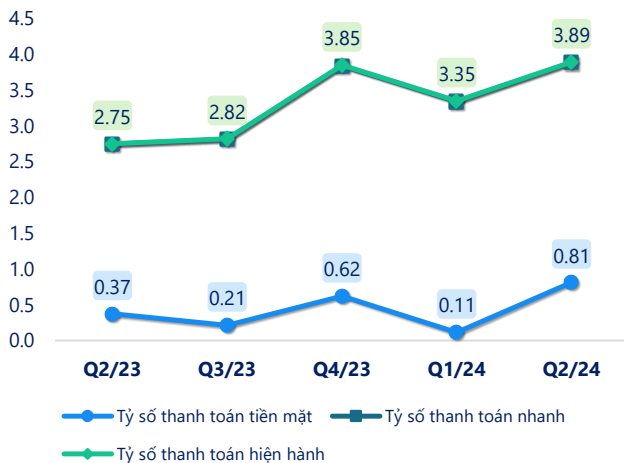
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

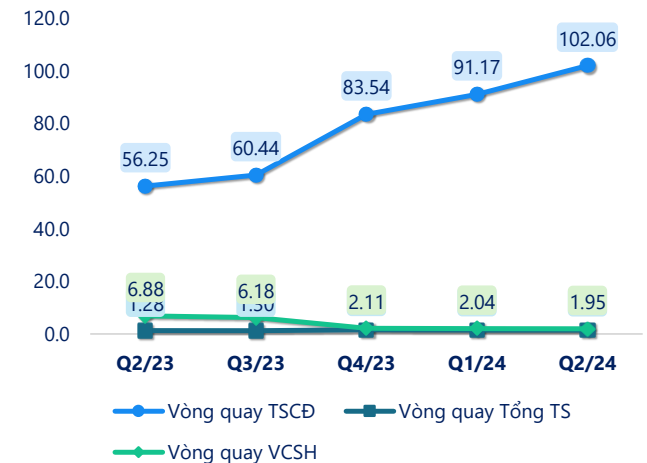
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	732	718	641	672	642
Tài sản ngắn hạn	575	567	546	578	568
Tiền và tương đương tiền	78.0	42.7	87.7	19.5	118
Đầu tư tài chính ngắn hạn	101	74.4	11.9	11.9	11.9
Phải thu ngắn hạn	326	408	403	511	405
Hàng tồn kho	1.13	1.13	1.13	1.28	1.13
Tài sản ngắn hạn khác	68.8	40.2	41.9	34.8	30.8
Tài sản dài hạn	156	152	95.3	94.0	74.3
Phải thu dài hạn	4.00	3.07	1.79	1.80	1.81
Tài sản cố định	13.0	10.2	7.46	7.62	6.38
Bất động sản đầu tư	19.6	19.3	19.1	18.8	18.5
Tài sản dở dang	0	0	1.57	0	1.65
Đầu tư tài chính dài hạn	116	116	64.7	64.7	44.7
Tài sản dài hạn khác	3.67	3.15	0.69	1.14	1.22
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	217	208	143	174	147
Nợ ngắn hạn	209	201	142	173	146
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.5	53.4	11.0	35.0	5.90
Phải trả người bán ngắn hạn	8.00	6.38	18.5	18.8	21.0
Nợ dài hạn	7.33	7.28	1.11	1.01	1.00
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	515	510	498	499	495
Vốn chủ sở hữu	515	510	498	499	495
Vốn điều lệ	204	204	204	204	204
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)